TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 6 - 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Hải Ninh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đồng Văn Hạnh

2. Bà Lê Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa*:* bà Bùi Kim Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:* ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị C, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ F, khu phố H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ F, khu phố H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2012 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh). Trước khi kết hôn, anh, chị chưa ai có vợ, có chồng và có thời gian tìm hiểu nhau là 02

năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S mải chơi, thường xuyên đi uống bia rượu, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, không đóng góp kinh tế cùng chị C nuôi con. Nhiều lần vợ chồng cãi nhau, anh S đập phá đồ đạc trong nhà khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Tháng 01 năm 2025, chị C thuê nhà trọ ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Thời gian đầu sống ly thân, anh chị đã tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Đến nay, chị C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Văn S có hai con chung là Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 02/8/2009 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 15/11/2010. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06/02/2026, chị C đề nghị giao hai con chung cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/con. Tổng mức cấp dưỡng hai con chung là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2026, chị C thay đổi quan điểm, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị C đã đón cả hai con chung về chung sống cùng. Bản thân chị có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh Nguyễn Văn S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa và không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Nguyễn Văn S cũng như tống đạt các văn bản của Tòa án như: thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do.

3. Xác minh tại chính quyền địa phương được biết: chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn S là công dân tổ F, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình sinh sống tại địa phương, chị C và anh S có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Á và cháu Nguyễn Đức H. Anh chị chung sống cùng nhau nhưng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và xảy ra cãi vã. Khoảng đầu năm 2025, chị C cùng một con chung chuyển đi nơi khác sinh sống, anh S và một con chung tiếp tục sinh sống tại nhà riêng, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh S làm công việc ngoài biển, thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng về nhà vài hôm rồi lại tiếp tục theo tàu thuyền đi làm. Quá trình thực hiện việc cấp tống đạt của Tòa án, anh S đều được gọi điện thoại thông báo nội dung văn bản tố tụng, tuy nhiên,

anh S đều từ chối nhận các văn bản với lý do không quan tâm, tùy chị C giải quyết.

4. Tòa án ghi nhận nguyện vọng của con chung: hiện nay, hai con chung Nguyễn Thị Ngọc Á và Nguyễn Đức H đều đang sống cùng mẹ, bố đi làm ngoài biển nên thỉnh thoảng mới về nhà. Nếu bố mẹ không sống cùng nhau nữa, hai cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ để mẹ quan tâm, chăm sóc hằng ngày.

5. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn S; về con chung, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Thị Ngọc Á và Nguyễn Đức H cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn S. Về con chung: giao hai con chung Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 02/8/2009 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 15/11/2010 cho chị Bùi Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: bị đơn anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại phường H, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu khởi kiện "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của nguyên đơn Bùi Thị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: anh Nguyễn Văn S đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử

căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2012 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh S xuất phát chủ yếu do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, anh S không quan tâm, chăm lo cho gia đình dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể tìm được tiếng nói chung để cùng đi đến cách giải quyết. Từ tháng 01 năm 2025, chị C và anh Sơn S1 ly thân, mỗi người sống một nơi. Thời gian đầu sống ly thân, anh chị đã tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đến nay, chị C thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo cho anh S đến Tòa án làm việc nhưng anh S đều vắng mặt không lý do, thể hiện anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa chị C và anh S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh S.

[3] Về con chung: chị C và anh S có hai con chung là Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 02/8/2009 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 15/11/2010. Khi ly hôn, chị C đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Xét yêu cầu của chị C thấy: anh S được Tòa án triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần nhưng anh S đều không đến, thể hiện anh S không chấp hành pháp luật, không coi trọng cuộc sống gia đình, chăm sóc con cái. Anh S thường xuyên bận công việc ngoài biển, thỉnh thoảng mới về nhà, các con chung đều đang do chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị C có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con thì yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của chị C phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị C không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn S không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 02/8/2009 và con chung Nguyễn Đức H, sinh ngày 15/11/2010 cho chị Bùi Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Bùi Thị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con; hoặc nhận thấy chị Bùi Thị C không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì anh Nguyễn Văn S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí: chị Bùi Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000360 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Bùi Thị C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Bùi Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Văn S không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hải Ninh